THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 17/2014/QĐ-TTg *Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2014*

QUYẾT ĐỊNH
Về Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Ngoại giao

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 33/2002/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Bảo vệ bí mật Nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an,

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Ngoại giao.

Điều 1. Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật của ngành Ngoại giao gồm những tin, tài liệu trong phạm vi sau đây:

1. Các chủ trương, chính sách đối ngoại đặc biệt quan trọng của Đảng, Nhà nước và các kế hoạch thực hiện chưa công bố hoặc không công bố.

2. Chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc giải quyết các tranh chấp về biên giới lãnh thổ quốc gia, bảo vệ chủ quyền và các quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chưa công bố hoặc không công bố.

3. Thông tin, tài liệu về các cuộc gặp bí mật của lãnh đạo cấp cao Đảng và Nhà nước với các tổ chức và cá nhân nước ngoài chưa công bố hoặc không công bố.

4. Tờ trình giải quyết công việc và ý kiến chỉ đạo xử lý, giải quyết của lãnh đạo Bộ Ngoại giao ghi trên Tờ trình về những vấn đề có nội dung thuộc Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật theo quy định tại Điều này.

5. Những thông tin, tài liệu đặc biệt quan trọng liên quan đến quan hệ đối ngoại, những kiến nghị về chủ trương, chính sách đối ngoại đặc biệt quan trọng của Đảng, Nhà nước chưa công bố hoặc không công bố.

6. Vật mang bí mật Nhà nước (USB, CPU, ổ cứng, sổ ghi chép...) có chứa nội dung thông tin hoặc văn bản thuộc Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật.

7. Các báo cáo, văn bản khác có sử dụng thông tin, tài liệu thuộc Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật của các cơ quan khác.

Điều 2. Danh mục bí mật Nhà nước độ Tối mật của ngành Ngoại giao gồm những tin, tài liệu trong phạm vi sau đây:

1. Nội dung các cuộc đàm phán, văn bản ký kết giữa nước ta với nước ngoài hoặc với các tổ chức quốc tế do Bộ Ngoại giao lưu giữ mà các bên tham gia ký kết thỏa thuận chưa công bố hoặc không công bố.

2. Các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Đảng và Nhà nước đối với Bộ Ngoại giao về công tác đối ngoại chưa công bố hoặc không công bố.

3. Tờ trình giải quyết công việc và ý kiến chỉ đạo xử lý, giải quyết của lãnh đạo Bộ Ngoại giao ghi trên Tờ trình về những vấn đề có nội dung thuộc Danh mục bí mật Nhà nước độ Tối mật theo quy định tại Điều này.

4. Đề án phát triển quan hệ với các nước lớn, các nước láng giềng, khu vực; chiến lược, kế hoạch, chính sách, thỏa thuận, cam kết đối ngoại có tính chất đặc biệt quan trọng hoặc nhạy cảm; các báo cáo về việc thực hiện đề án, chiến lược, kế hoạch, chính sách, thỏa thuận, cam kết đối ngoại nêu trên và đánh giá tình hình quan hệ, trong đó kiến nghị chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta đối với các nước đó chưa công bố hoặc không công bố.

5. Phương án đàm phán, tài liệu liên quan chuẩn bị cho đàm phán, nội dung và báo cáo kết quả đàm phán giải quyết tranh chấp về biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, biển, đảo, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế và vùng trời giữa Việt Nam với các nước láng giềng chưa công bố hoặc không công bố.

6. Báo cáo đột xuất và báo cáo chuyên đề về tình hình quản lý biên giới lãnh thổ quốc gia trên đất liền, biển, đảo, thềm lục địa, vùng đặc quyền kinh tế và vùng trời Việt Nam chưa công bố hoặc không công bố.

7. Hồ sơ, tài liệu liên quan đến mốc quốc giới, đường biên giới quốc gia chưa công bố; và phương án đấu tranh dư luận bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.

8. Tài liệu chỉ đạo, hướng dẫn các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài về các hoạt động đối ngoại quan trọng hoặc liên quan đến các vấn đề nhạy cảm; báo cáo, tài liệu do các Cơ quan đại diện gửi về liên quan đến những vấn đề nhạy cảm hoặc đối tác đặc biệt.

9. Báo cáo về hoạt động có nội dung nhạy cảm của các hội, đoàn người Việt Nam ở nước ngoài; hồ sơ về các đối tượng phản động người Việt Nam ở nước ngoài và báo cáo về hoạt động của các đối tượng phản động người Việt Nam ở nước ngoài.

10. Chủ trương, định hướng và sự hỗ trợ của Nhà nước Việt Nam đối với các cơ quan truyền thông của kiều bào.

11. Hồ sơ, tài liệu liên quan cán bộ biệt phái tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

12. Các tài liệu quy định, quy ước, thông số kỹ thuật về hệ thống thông tin liên lạc của Bộ Ngoại giao.

13. Tài liệu, hồ sơ thiết kế, báo cáo liên quan đến hệ thống bảo vệ an ninh, an toàn Trụ sở Bộ Ngoại giao và các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.

14. Vật mang bí mật Nhà nước (USB, CPU, ổ cứng, sổ ghi chép...) có chứa nội dung thông tin hoặc văn bản thuộc Danh mục bí mật Nhà nước độ Tối mật.

15. Các báo cáo, văn bản khác có sử dụng thông tin, tài liệu thuộc Danh mục bí mật Nhà nước độ Tối mật của các cơ quan khác.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 4 năm 2014 và thay thế Quyết định số 77/2009/QĐ-TTg ngày 13 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về Danh mục bí mật Nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Ngoại giao.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao và Bộ trưởng Bộ Công an chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng